

SỐ PHẬN CÁC NỀN VĂN MINH VÀ THẾ GIỚI NGÀY NAY

NGUYỄN CHÍ TÌNH. *Số phận các nền văn minh và thế giới ngày nay*. H.: Thanh niên, 2007, 1016 tr.

VƯƠNG TÂM
lược thuật

Năm 1993, ở Mỹ, học giả Samuel P. Huntington công bố học thuyết được gọi là “Sự đụng độ giữa các nền văn minh” qua một số bài viết trên tạp chí *Những vấn đề ngoại giao* (Foreign Affairs). Đến năm 1996, ông xuất bản cuốn sách *Sự đụng độ giữa các nền văn minh và xây dựng lại trật tự thế giới* (The clash of civilizations and the remaking of world's order), coi như văn

bản trình bày một cách hoàn thiện học thuyết của ông. Nói một cách tóm tắt nhất, học thuyết này ra đời nhằm giải thích nguyên nhân sâu xa và quyết định của mọi cuộc xung đột, kể cả xung đột vũ trang, trong thế giới ngày nay, trên



binh diện quốc gia cũng như quốc tế, là ở sự mâu thuẫn cố hữu giữa các nền văn minh. Theo Huntington, trong các giai đoạn lịch sử trước đây, mâu thuẫn này dường như bị chìm đi dưới những mâu thuẫn quốc gia-dân tộc hay mâu thuẫn hệ tư tưởng; nhưng ngày nay, sau khi Liên Xô sụp đổ và kết thúc Chiến tranh Lạnh, thì mâu thuẫn đó đang bùng lên với tất cả sức mạnh tiềm ẩn. Điều đó cũng có nghĩa là những hành động bành trướng, xâm lược của các thế lực bá quyền mà thời đại đang chứng kiến, đều phải được hiểu là bắt nguồn từ xung đột văn hóa - văn minh

chứ không phải là kết quả của một mưu đồ địa - chính trị hay địa - kinh tế của một tập đoàn quyền lực và quyền lợi nào. Tương lai của các nền văn minh, nghĩa là của loài người cũng được nhìn nhận dưới quan điểm xung đột mang tính định mệnh đó.

Sau khi ra đời, học thuyết “Sự đụng độ giữa các nền văn minh” đã gây được tiếng vang trong giới học thuật nhiều nước trên thế giới. Một số người tán thành và ca ngợi - phần lớn ở phương Tây -, một số người lên tiếng phản đối phần lớn ở Thế giới thứ Ba -, một số

khác lại phân tích mặt tiêu cực và cả mặt khả dĩ chấp nhận được của học thuyết này. Tác giả cuốn sách, ngay từ thời gian đó, đã thấy rõ, học thuyết của Huntington thể hiện sự xa rời hiện thực thời đại và mưu toan che dấu động cơ thực sự đằng sau những xung đột và chiến tranh ngày nay, mà trước hết là tham vọng chính trị và kinh tế của những thế lực bành trướng và bá quyền. Từ đó, dự án về một công trình khoa học có ý nghĩa đấu tranh tư tưởng, nhằm chống lại về cơ bản nội dung học thuyết “Sự đụng độ giữa các nền văn minh”, được hình thành.

Cuốn sách này được giới thiệu dưới đây ra đời từ dự án đó. Tác giả cuốn sách cho biết, tuy ông rất bức xúc với cuộc đấu tranh tư tưởng học thuật này, nhưng ông muốn đem đến cho công trình của mình tất cả tinh thần nghiêm túc và thận trọng cần thiết. Điều đó được thể hiện rõ trong nội dung của cuốn sách (trên 1000 trang), được kết cấu thành 4 phần chính (16 chương), do nhà xuất bản Thanh niên ấn hành và cho ra mắt bạn đọc vào tháng 1 năm 2007.

Phần thứ nhất của cuốn sách được dành để xác định các *khái niệm văn hoá, văn minh* - vốn không phải bao giờ cũng được hiểu một cách chính xác trong đời sống học thuật và xã hội để bước vào những vấn đề mà cuốn sách đề cập. Về khái niệm *văn hoá*, xuất phát từ nhìn nhận “một cách khái quát và cơ bản nhất, văn hoá chính là cố gắng có ý thức của con người nhằm cải thiện cuộc sống vật chất và tinh thần của mình” (tr.12), tác giả đã nói đến mối quan hệ của con người với lao động (văn hoá lao động), của con người với tự nhiên (văn hoá sinh thái), của con người với thế giới tâm linh (văn hoá tâm linh), của con người với con người (văn hoá con người). Bằng việc điếm lại thực trạng những mối quan hệ này trong quá trình lịch sử loài người, tác

giả cho thấy rõ hơn thực chất của khái niệm văn hoá gắn liền với các khía cạnh chủ yếu của cuộc sống phong phú. Về khái niệm văn minh, hay nói chính xác hơn, *nền văn minh*, cuốn sách đã chọn lựa và tập hợp một số định nghĩa của các nhà khoa học trong nước và trên thế giới, từ đó, kết hợp với suy nghĩ chủ quan, tác giả đưa ra một số điểm xác định cơ bản liên quan đến khái niệm nền văn minh, để cuối cùng đi đến định nghĩa quan trọng: “Nền văn minh là kết quả sự phát triển văn hoá của một (nhiều) cộng đồng người ở một giai đoạn lịch sử nhất định. (Những) cộng đồng này, trong một môi trường không gian và thời gian, với những điều kiện lịch sử cụ thể, với những diễn biến và sự kiện do sự chi phối của qui luật lịch sử và tự nhiên, nhưng thường xảy đến như những ngẫu nhiên của lịch sử, bằng sức mạnh văn hoá nội tại cộng thêm tác động văn hoá bên ngoài, đã tạo nên những biểu hiện cụ thể và đặc biệt về hoạt động kinh tế, về thể chế chính trị và xã hội, về quan niệm nhân sinh và vũ trụ, về phong tục tập quán, về quan hệ sản xuất và phân phối, về thực trạng đạo đức, về tín ngưỡng tôn giáo... Tất cả làm nên diện mạo của nền văn minh” (tr.52).

Lấy những xác định về khái niệm trên đây làm cơ sở, với *Phần thứ hai* của cuốn sách *Đi tìm diện mạo và thực chất các nền văn minh* (gồm 6 chương), tác giả lần lượt điếm lại sáu nền văn minh trong số những nền văn minh hiện đang tồn tại trên trái đất: nền văn minh phương Tây, nền văn minh Trung Hoa, nền văn minh Ấn Độ, nền văn minh Hồi giáo, nền văn minh sông Hồng, nền văn minh Xã hội chủ nghĩa. Lý giải cho việc phân chia này, tác giả cho rằng: “Việc gọi tên các nền văn minh này dựa trên khái niệm địa lý, bán địa lý hay tôn giáo, hay chính thể, một phần do thói quen, một phần vì cảm thấy mức độ hợp lý chấp nhận được trong hoàn cảnh hiện

nay) (tr.72). Tác giả đã đề cập đến rất nhiều phạm trù về nhận thức và tư duy khi phân tích các nền văn minh tiêu biểu đó như: tôn giáo, hệ tư tưởng và hệ thống chính trị, bản sắc và tính đa dạng văn hóa, sự phát triển khoa học kỹ thuật và những vấn đề của nó, con đường của nền văn minh tương lai. Các phân tích của tác giả đi vào những hợp phần chủ yếu của mỗi một nền văn minh như nó đã tồn tại và đang tồn tại, nhờ đó tìm ra cái bản chất, cái cốt lõi văn hoá xuyên suốt dẫn đến sự khẳng định lý luận và thực tiễn cơ bản: mặc dầu những khác biệt ở cả bề mặt lẫn bề sâu, các nền văn minh vẫn mang trong lòng nó khuynh hướng tự nhiên mang tính bản chất là tìm đến nhau trong mối quan hệ đối thoại và hợp tác, chứ không phải xung đột và đụng độ. Đây có thể coi như một tiên đề nhận thức luận để bước vào cuộc tranh luận ở chương sau với học thuyết Huntington.

- *Về nền văn minh phương Tây*: tác giả đã phân tích và lý giải những yếu tố quan trọng nhất trong lịch sử, đã làm nên nền văn minh phương Tây. Đó là: sự phát triển của Cơ Đốc giáo với tư cách là một nền tảng tinh thần và xã hội, một thứ kỷ cương bên cạnh những kỷ cương khác; - các hệ tư tưởng, hệ thống chính trị được coi như khuôn khổ chính trị đại diện cho các quan hệ sản xuất; sự phát triển tư tưởng - văn hóa - học thuật (kể cả các loại hình nghệ thuật); sự phát triển khoa học - kỹ thuật (lực lượng sản xuất và phương tiện thông tin).

- *Về nền văn minh Trung Hoa*: lựa chọn tên gọi “nền văn minh Trung Hoa” thay cho “nền văn minh Nho giáo” hay “nền văn minh phương Đông”, theo cách lý giải của tác giả, là bởi “nền văn minh Nho giáo đóng vai trò cốt lõi, gần như một thứ xương sống tinh thần của nền văn minh Trung Hoa, nhưng nó không thể là toàn bộ nền văn minh Trung Hoa, nhất là trong những diễn biến lịch sử

qua các thời kỳ cận đại, hiện đại,... Mặt khác thì nền văn minh Trung Hoa, với tất cả quy mô lịch đại và đồng đại, với ảnh hưởng rộng lớn của nó, cũng không thể đồng nhất hoàn toàn với nền văn minh phương Đông, vì phương Đông còn có Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam..., khi tiếp xúc với nền văn minh khổng lồ Trung Hoa, tiếp nhận được ít hoặc nhiều ảnh hưởng từ đó,... nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng...” (tr.133).

Những đặc điểm tiêu biểu của văn minh Trung Hoa như: học thuyết Nho giáo, các thể chế chính trị, các cơ chế xã hội-kinh tế,... cũng được tác giả xem xét từ nhiều phương diện, để từ đó nhận ra những đặc điểm của mối quan hệ giữa người và người.

- *Về nền văn minh Ấn Độ*: theo đánh giá của tác giả, nền văn minh Ấn Độ cho đến tận ngày nay vẫn có sức thu hút lớn đối với phần còn lại của thế giới. Và việc tìm hiểu một nền văn minh như thế thật sự “bổ ích để chúng ta hiểu thêm số phận những nền văn minh trong thế giới ngày nay” (tr.183).

Cũng theo mạch tư duy của phần hai, tác giả đã phân tích hai tôn giáo lớn được cho là có vai trò, vị trí quan trọng trong nền văn minh Ấn Độ là Ấn Độ giáo (gần như độc tôn) và Phật giáo.

Cùng với tôn giáo, các yếu tố khác cũng được tác giả đề cập đến như: các thể chế chính trị - xã hội, sự xâm chiếm của thực dân Anh, sự phát triển về khoa học - kỹ thuật,...

- *Về nền văn minh Hồi giáo*: gọi tên một “nền” văn minh bằng tên của một tôn giáo, nhưng theo cách giải thích của tác giả, “không nên hiểu nền văn minh Hồi giáo theo cái nghĩa tương đối hoàn chỉnh như đối với nền văn minh phương Tây, nền văn minh Trung Hoa... Bản thân Hồi giáo không làm nên một nền văn minh riêng của nó, mà đúng hơn, nó là một yếu tố quan trọng, để lại ảnh hưởng sâu đậm ở nhiều nền văn minh

khác nhau, đến mức để phân biệt các nền văn minh này với nền văn minh khác trên thế giới, đôi lúc người ta nói đến “văn minh Hồi giáo” (tr.225).

Nền văn minh Hồi giáo, như tác giả nhận định “chủ yếu là ở cái phần ‘siêu’, cái phần ‘chung’, cái cốt cách văn minh hiện diện ở những nước mà Hồi giáo đã trở thành quốc giáo, dù cho, xét về tổng thể, các nước đó không sống trong những nền văn minh giống nhau” (tr.227).

Tìm hiểu bản chất và thực chất của đạo Hồi với tư cách là yếu tố của một nền văn minh, cụ thể hơn, với tư cách định hướng cho tư duy, nhân cách và lối sống của con người tin theo tôn giáo đó, thông qua những phân tích về giáo lý Kinh Coran, sự mở rộng ảnh hưởng sang phía Đông của các đế chế mang danh nghĩa Hồi giáo trong lịch sử, tác giả đưa ra kết luận khẳng định: “đã có và đang có một nền văn minh Hồi giáo, nhưng đó không phải là một nền văn minh toàn diện, mà đúng hơn là những yếu tố văn minh, có thể ảnh hưởng đến những yếu tố văn minh khác ở một đất nước qua nhiều thời đại, tạo nên một diện mạo văn minh đặc biệt. Quyết định toàn bộ nền văn minh này là tổng hợp của rất nhiều yếu tố, trong đó Hồi giáo không bao giờ là yếu tố quyết định” (tr.277).

- Về nền văn minh sông Hồng: tác giả đã chứng minh sức sống của nền văn minh này bằng sự xác định nguồn gốc đích thực của nó, quá trình hình thành những đặc điểm văn hoá tinh thần làm nên tính độc đáo và khả năng vượt qua những thử thách lịch sử; đồng thời tìm những nguyên nhân lịch sử tạo nên sự trì trệ lâu dài của nền văn minh sông Hồng, đặc biệt sự trì trệ lực lượng sản xuất. Tác giả một mặt cho thấy những bước tiến hiện nay của nền văn minh sông Hồng, nhưng mặt khác không quên nêu lên những thách thức lớn lao đặt ra, có thể coi như những câu hỏi lớn

của lịch sử mà “câu trả lời thuộc về toàn thể cộng đồng dân tộc Việt Nam, chủ nhân của nền văn minh sông Hồng” (tr.392).

- Về nền văn minh Xã hội chủ nghĩa: Có tồn tại hay không một nền văn minh Xã hội chủ nghĩa? Tác giả đã có câu trả lời *khẳng định* căn cứ trên khái niệm về nền văn minh đã được nêu ở Phần thứ nhất của cuốn sách, những yếu tố hợp thành một thực thể được gọi là nền văn minh, thực tế tồn tại của chủ nghĩa xã hội hiện thực với những đặc điểm văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của nó. Tác giả đã lý giải sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu, trình bày sự nhìn nhận dựa trên những yếu tố khách quan và chủ quan về mối quan hệ giữa sự sụp đổ đó và học thuyết Marx chân chính. Ở đây, tác giả nhấn mạnh sự trường tồn của mục tiêu xã hội chủ nghĩa và đưa ra suy nghĩ về những con đường khác nhau để xây dựng nền văn minh Xã hội chủ nghĩa.

Đọc phần này, có thể thấy tác giả đã dành cho mỗi nền văn minh sự tìm hiểu nhất định, xới lên và đưa ra quan điểm của mình về một số vấn đề gắn liền với từng nền văn minh, các vấn đề được trình bày theo hướng gợi mở, nhất là về nền văn minh Hồi giáo. ở đây, thể hiện rất rõ chủ ý của tác giả muốn đạt được một cái nhìn đúng đắn và công bằng đối với nền văn minh này. Bằng những cứ liệu cụ thể của lịch sử, thực tế thời đại và văn bản đích thực, ông chứng minh rằng từ nguồn gốc, bản chất của Hồi giáo là một tôn giáo hướng về cái thiện, sự giải thoát cho những người nghèo khổ và những số phận bất hạnh trên trái đất. Cho nên nền văn minh Hồi giáo cũng mang trong mình nó bản chất tốt đẹp đó. Nhưng quá trình lịch sử cho thấy Hồi giáo, cũng như nhiều tôn giáo khác, đã bị lợi dụng bởi những giai cấp thống trị, bởi đảng cấp cao có đặc quyền đặc lợi ngay trong tôn giáo, để biến

tướng đi rất nhiều, và đôi lúc mang một diện mạo ngược lại giáo lý ban đầu. Tác giả khẳng định rằng thái độ lên án Hồi giáo và coi những biểu hiện vô nhân đạo của một số thế lực nhân danh Hồi giáo là điều không công bằng. Ngược lại, việc tìm thấy ở Hồi giáo và đông đảo tín đồ Hồi giáo bình thường những cơ sở tinh thần tốt đẹp là điều quan trọng để đi đến sự hoà hiếu giữa các tôn giáo và các nền văn minh.

Trong *Phần ba* của cuốn sách với tiêu đề: *Mối quan hệ giữa các nền văn minh: quá khứ và sự thật lịch sử*, tác giả rút ra từ lịch sử một số sự kiện tiêu biểu thường được biết đến như sự xung đột mang tính chất tôn giáo, hay rộng hơn, xung đột giữa các nền văn hoá-văn minh, để cuối cùng bằng sự khai thác những sử liệu cụ thể và sự phân tích những nguyên nhân, diễn biến của các sự kiện, tác giả đã đi đến khẳng định rằng: trong lịch sử không hề có xung đột tôn giáo hay xung đột giữa các nền văn minh theo đúng nghĩa của nó. Những xung đột vẫn được đánh giá như thế, hay đúng hơn, tưởng lầm như thế, thực ra không phải là một định mệnh xuất phát từ bản chất của tôn giáo và của các nền văn minh. Khảo sát tư liệu lịch sử liên quan đến cuộc chiến tranh Thập tự quân thời Trung cổ (chương chín) mà nhiều thế hệ sử gia và nhà nghiên cứu vẫn quen gọi là “Chiến tranh tôn giáo”, từ khi manh nha, buổi khởi đầu cho đến diễn biến qua các thời điểm khác nhau, tác giả chứng minh động cơ thực sự để phát động cuộc chiến của giai cấp phong kiến thống trị Tây Âu cấu kết với đảng cấp đặc quyền đặc lợi của Toà thánh Vatican, và sứ mệnh gọi là của đoàn quân Thiên chúa giáo chống lại Hồi giáo chỉ là một chiêu bài bị lật lại vì những hành động cướp phá không còn phân biệt tôn giáo ngay trên lãnh thổ của cả hai tôn giáo này. Cũng như khi tác giả tìm hiểu cuộc gặp gỡ Đông-Tây vào thế

kỷ XIX trên lãnh thổ ba quốc gia Trung Quốc, Việt Nam và Nhật Bản, sự thật về mối quan hệ giữa các nền văn minh đã được soi sáng: lý giải nguyên nhân, bối cảnh và những yếu tố đã gây ra cuộc chiến tranh ở Trung Quốc và Việt Nam, trong khi ở Nhật Bản hoà bình vẫn được đảm bảo và Nhật Bản không phải chịu hoạ mất nước, tác giả đã cho thấy dù trong trường hợp nào thì bản thân các nền văn minh cũng không hề có vai trò của yếu tố quyết định sự đung độ, trái lại, ở phần sâu sắc nhất, cơ bản nhất, các nền văn minh vẫn có khuynh hướng đối thoại và hợp tác với nhau, và với những điều kiện do chính con người tạo nên, khuynh hướng ấy sẽ phát huy tác dụng trong thực tế.

Cả 3 phần trình bày đầu trong cuốn sách này, như chủ định của tác giả, là nhằm xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn trước khi đưa ra những lập luận, phân tích mang tính tranh luận với học thuyết “Sự đung độ giữa các nền văn minh” của S.P. Huntington ở phần 4 của cuốn sách.

Trước hết, để độc giả có cái nhìn khách quan và đầy đủ về học thuyết “Sự đung độ giữa các nền văn minh”, tác giả đã để trọn một chương sách tóm tắt nội dung của học thuyết đó qua những luận điểm cơ bản nhất với những trích dẫn từ nguyên gốc rất cần thiết.

Tác giả không lần qua các trang viết để đối thoại kiểu “một đối một” với Huntington trên tất cả các vấn đề và hiện tượng mà ông này đề cập trong quá trình diễn giải học thuyết của mình. Tác giả chỉ chọn ra một số vấn đề có tầm quan trọng lớn về lý luận và thực tiễn được cho là cơ bản và tiêu biểu nhất.

Trước hết là vấn đề *hệ tư tưởng*. Sau khi xác định khái niệm và nguồn gốc hệ tư tưởng, điếm qua sự tồn tại của hệ tư tưởng trong lịch sử, tác giả cho thấy một quan điểm trái ngược với Huntington:

Ngày nay, sau khi Liên Xô sụp đổ, Chiến tranh Lạnh kết thúc, thì các hệ tư tưởng vẫn tồn tại và cuộc đấu tranh hệ tư tưởng vẫn tiếp tục trên một bình diện mới. Tác giả đưa ra một số dẫn chứng gắn liền với thời đại để chứng minh cho quan điểm của mình, tuy ông không quên nêu lên một số yếu tố xuất hiện trong tình hình thế giới hiện nay có thể làm người ta lầm tưởng rằng hệ tư tưởng đã là câu chuyện của quá khứ. Câu nói của Remo Bodei, nhà triết học Italia được tác giả dẫn ra để thu tóm cách nhìn nhận đúng đắn về vấn đề này: "... Sự kết thúc của hệ tư tưởng đã chứng tỏ nó là sự hoá kiếp đến n lần của hệ tư tưởng... Và, có lẽ hệ tư tưởng tồi tệ nhất là hệ tư tưởng làm ra vẻ như không tồn tại" (tr.702).

Sự tiếp nối lôgic của chương đối thoại về vấn đề hệ tư tưởng chính là chương *Đi tìm lời giải cho những đụng độ ngày nay*. Có thể coi đây là một điểm nhấn của cuốn sách. Tác giả nêu lại bốn vấn đề sự kiện lớn của thời đại: Sự biến Nam Tư; Chiến tranh Vùng Vịnh; Vấn đề vũ khí hạt nhân; Vấn đề dân chủ và nhân quyền. Ở mỗi vấn đề luôn luôn nóng bỏng trong tình hình thế giới này, Huntington đều giải thích nguyên nhân các xung đột, đụng độ chủ yếu là ở khác biệt, mâu thuẫn văn hoá - văn minh, nhưng tác giả lại lại có lời giải thích khác. Không coi nhẹ các yếu tố văn hoá - văn minh, tác giả trình bày những cứ liệu thực tế cùng diễn giải lý luận để chứng minh rằng đằng sau tất cả những diễn biến đụng độ, kể cả đụng độ vũ trang, ở từng vấn đề, chính là quyền lợi, tham vọng, ý đồ của những thế lực nhất định, trong đó phải kể đến thế lực bành trướng bá quyền đang chi phối ở các mức khác nhau tình hình thế giới xét trên toàn bộ và ở cả những khu vực nhạy cảm. Chẳng hạn, khi nói đến cuộc chiến tranh Nam Tư, cuộc chiến tranh

Vùng Vịnh: bác bỏ nhận định của Huntington coi đó là những "cuộc chiến tranh của các nền văn minh", tác giả đã chỉ ra, động cơ thực sự chính là xuất phát từ quyền lực và quyền lợi của các thế lực đã chằm ngòi và tham gia vào các cuộc chiến tranh đó. Tác giả đặt ra và trả lời những câu hỏi: ai là kẻ phải chịu trách nhiệm chính về sự chia rẽ và xung đột nội bộ của Liên bang Nam Tư? ý nghĩa và thực chất sự can thiệp của Mỹ và các nước phương Tây ở đây là gì? Tại sao Mỹ phát động cuộc chiến tranh Vùng Vịnh? Ở đây vị thế địa chính trị, tầm quan trọng kinh tế của Vùng Vịnh phải chăng có vai trò quyết định?, và cái gọi là mâu thuẫn giữa nền văn minh phương Tây và nền văn minh Hồi giáo phải chăng chỉ là một sự nguy biến? Chúng ta đặc biệt chú ý tới những trang nói đến "dân chủ và nhân quyền". Chống lại luận điểm lấy sự khác biệt văn hoá - văn minh làm yếu tố quyết định các xung đột trên lĩnh vực này, tác giả đồng thời đưa ra quan niệm về ý nghĩa của dân chủ và nhân quyền cũng như con đường để thực hiện những mục tiêu văn hoá con người đó; mặt khác ông vạch ra thực chất những lời kêu gọi "dân chủ nhân quyền" của những thế lực muốn lợi dụng vấn đề này vì những động cơ vụ lợi.

Đến đây, có thể nói tác giả đã thực hiện được phần chủ yếu trong cuộc tranh luận trực tiếp về những luận điểm quan trọng trong học thuyết của Huntington. Tuy vậy, cuộc tranh luận vẫn tiếp tục với hai chương sách đề cập đến những vấn đề khía cạnh gắn liền với vấn đề chung. Ở chương *Đường ranh giới của các nền văn minh - Lịch sử và tương tượng*, tác giả nhắc lại và bác bỏ kiến giải của Huntington về những cái gọi là "Đường ranh giới văn minh bất hợp lý", "Các nền văn minh bị giằng xé", hay "Liên minh vì các nền văn minh".

Phân tích sai lầm của những kiến giải này, tác giả cho rằng ở đây “Huntington đã đặt một dấu ấn định mệnh lên những xung đột giữa các cộng đồng người thuộc các nền văn minh khác nhau (Thượng Đế đã đặt họ vào các nền văn minh khác nhau, thế tất họ phải đánh nhau)” (tr. 789). Trong chương *Phương Tây, Hoa Kỳ và phần còn lại của thế giới*, một lần nữa tác giả xác định thực chất, vai trò và những vấn đề của nền văn minh phương Tây trong thế giới ngày nay. Đặc biệt, chống lại sự nhìn nhận một chiều của nhiều người phương Tây, tác giả muốn khẳng định trách nhiệm của nền văn minh phương Tây trước hiện trạng và con đường phát triển của các nền văn minh khác, một trách nhiệm mà phương Tây nhận lấy, không phải chỉ vì lợi ích của phần còn lại của thế giới, mà còn vì lợi ích của bản thân nền văn minh phương Tây: “Chưa bao giờ như bây giờ, trong thế giới toàn cầu hoá, nền văn minh phương Tây có điều kiện cải thiện hình ảnh, nâng cao uy tín của mình, để cho trình độ văn minh khoa học và kinh tế đi đôi với trình độ văn minh tinh thần và đạo đức một sự kết hợp mà có lẽ chưa bao giờ nền văn minh phương Tây đạt được trong lịch sử của mình” (tr.822).

Chương 16, chương cuối cùng của cuốn sách dưới tiêu đề *Tương lai các nền văn minh*. Tương lai này được tác giả nhìn nhận qua con đường phát triển của các hợp phần chủ yếu trong các nền văn minh ngày nay:

Tôn giáo và mối quan hệ giữa các tôn giáo;

- Nền chính trị thế giới, các hệ tư tưởng, các hệ thống chính trị;

- Bản sắc văn hoá và sự đa dạng văn hoá;

- Sự phát triển khoa học-kỹ thuật;

- Con người của nền văn minh tương lai.

Ở mỗi hợp phần tác giả đều có sự lý giải của mình, đồng thời ông cũng đặt ra nhiều vấn đề rất đáng chú ý, nêu những gợi ý hay, những suy nghĩ có thể mở cho người đọc tiếp tục tìm tòi và tư duy. Chẳng hạn, trong mục dành cho “các hệ tư tưởng, các hệ thống chính trị”, tác giả nêu lên vấn đề *Số phận học thuyết Marx*, mà theo tác giả là một vấn đề lý luận và thực tiễn lớn có ý nghĩa thời sự và cũng rất quan hệ đến tương lai các nền văn minh. Bác lại ý kiến của một số người cho rằng học thuyết Marx “đã lỗi thời”, “đã trở thành vô dụng”, tác giả khẳng định học thuyết Marx là sản phẩm của quá trình phát triển văn hoá trong thế giới phương Tây, là một thành tựu văn hoá vĩ đại của loài người; nhưng mặt khác, xuất phát từ quan điểm biện chứng nằm ngay trong học thuyết Marx, tác giả đã bước đầu nêu ra những điều còn bất cập trong học thuyết này, đặc biệt những gì trong đó không còn phù hợp với thực tế thời đại hai trăm năm sau ngày nó ra đời.

(xem tiếp trang 60)